



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Tổ thử nghiệm**

Laboratory: **Testing Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Giày Viễn Thịnh**

Organization: **Vien Thinh Shoes Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1611**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Lâm Hạo Khang**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày /12/2030**

Địa chỉ/
**Lô U-2, U-2A, đường Long Hậu-Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, ấp 3, xã
Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

Address: **Lot U-2, U-2A, Long Hau - Hiep Phuoc Road, Long Hau Expanded Industrial Park,
Hamlet 3, Can Giuoc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam**

Địa điểm/
**Lô U-2, U-2A, đường Long Hậu-Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, ấp 3, xã
Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

Location: **Lot U-2, U-2A, Long Hau - Hiep Phuoc Road, Long Hau Expanded Industrial Park,
Hamlet 3, Can Giuoc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam**

Điện thoại/ Tel: **0706737708**

E-mail: **khang@richever.com.au**

Website: **<https://vitcoshoes.com>**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1611

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1	Vật liệu đế <i>Sole materials</i>	Xác định độ bền mài mòn sử dụng trống xoay tròn <i>Determination of abrasion resistance using a rotating cylindrical drum device</i>	(0 ~ 1 000) mm ³ Lực/ Force: (5 ± 0,1) N; (10 ± 0,2) N	SATRA TM174:2016
2	Vật liệu dệt <i>Textile materials</i>	Xác định độ bền màu với ma sát <i>Determination of colour fastness to Rubbing</i>	Cấp/ Grade 0,5 / (1 ~ 5) Lực/ Force: (9 ± 0,2) N Dịch chuyển/ Displacement: (105 ± 5) mm	SATRA TM167:2017
3	Nhựa đế ngoài <i>Plastics outsole</i>	Xác định đo độ cứng. Phương pháp Durometer. Shore A <i>Determination of hardness. Durometer method. Shore A</i>	Shore A: 10 ~ 90	SATRA TM205:2017
4		Xác định tỷ trọng <i>Determination of density</i>	(0,1 ~ 50) g / cm ³	SATRA TM134:1998 (2010)
5	Giày dép <i>Footwear Products</i>	Xác định độ bền bong tróc của các liên kết đế giày <i>Determination of peel strength of footwear sole bonds</i>	0,1/ (2 ~ 2 000) N	SATRA TM411:2019
6		Xác định độ bền bong tróc của đế giày trong giày hoàn chỉnh <i>Determination of peel strength of bottom constructions in complete footwear</i>	0,1/ (2 ~ 2 000) N	SATRA TM281:2019
7		Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài kéo đứt <i>Determination of tensile strength and percentage elongation</i>	0,1/ (2 ~ 2 000) N (0 ~ 300) %	SATRA TM43:2021
8	Vật liệu da <i>Leather materials</i>	Xác định độ mài mòn. Phương pháp Martindale <i>Determination of abrasion resistance. Martindale method</i>	Đến/ To 100 000 chu kỳ/ cycles	SATRA TM31:2021

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1611**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9	Giày thành phẩm và các bộ phận của giày <i>Complete footwear and accessories of footwear</i>	Xác định độ kháng gập của giày và đế <i>Determination of resistance of footwear flexing</i>	Đến/ To 100 000 chu kỳ/ cycles	SATRA TM92:2016
10		Xác định độ bền nhiệt/ lão hóa nhiệt của các liên kết đế trong giày hoàn chỉnh <i>Determination of heat resistance/ heat ageing of sole bonds in complete footwear</i>	(60 ± 2) °C; (50 ± 2) °C	SATRA TM 409:1993
11		Thử nghiệm thủy phân của đế giày polyurethane và da phủ polyurethane. <i>Test of hydrolysis of polyurethane solings and polyurethane coated leathers.</i>	(50 ~ 100) °C/ (35 ~ 98)% RH	SATRA TM344:1995 (Phương pháp/ Method 1)
12	Gót giày nữ <i>Heel of ladies' shoes</i>	Xác định độ bền của gót giày khi tác động lặp lại <i>Determination of resistance for shoe heels to repeated impact</i>	Đến/ To 100 000 chu kỳ/ cycles	SATRA TM21:2017

Ghi chú/ Note:

- SATRA: Liên minh hiệp hội nghiên cứu thương mại giày/ *Shoe and Allied Trade Research Association*;

Trường hợp Công ty TNHH Giày Viễn Thịnh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Giày Viễn Thịnh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Vien Thinh Shoes Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

